

Số: 660/QĐ-DHKB

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 09 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh
trình độ đại học của Trường Đại học Kinh Bắc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ vào Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 15/08/2020 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Phòng QLĐT và Khoa Ngôn ngữ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học của Trường Đại học Kinh Bắc gồm Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần.

Điều 2. Chương trình đào tạo được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm 2022; là căn cứ để tổ chức, thực hiện, kiểm tra, thanh tra quá trình đào tạo.

Điều 3. Trưởng phòng QLĐT, Trưởng khoa Ngôn ngữ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT./.



TS. Nguyễn Văn Hòa

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 66/QĐ-DHKB ngày 06 tháng 9 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

1. Thông tin chung

Tên chương trình (Tiếng Việt)	: Ngôn ngữ Anh
Tên chương trình (Tiếng Anh)	: English Linguistics
Trình độ đào tạo	: Đại học
Mã ngành đào tạo	: 7220201
Thời gian đào tạo	: 4 năm
Văn bằng tốt nghiệp	: Cử nhân

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình giáo dục đại học ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp vững vàng, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương trình độ 5 theo Khung năng lực ngôn ngữ chung Châu Âu). Ngoài ra, chương trình cũng trang bị những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa các nước nói Tiếng Anh, kiến thức và các kỹ năng cần thiết để công tác trong các lĩnh vực như biên, phiên dịch và các công việc có sử dụng Tiếng Anh.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể vận dụng các kiến thức đã được học về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói Tiếng Anh để làm việc tại các đơn vị, cơ quan, dự án trong và ngoài nước thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, cũng như có khả năng tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp để công tác hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo này, người học có khả năng đạt được các mục tiêu:

Ký hiệu	Mục tiêu
1.	KIẾN THỨC
MT1	Có hiểu biết về kinh tế, chính trị, pháp luật trong bối cảnh chung của thế giới và trong điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với khối ngành được đào tạo để tạo tiền đề học tốt các môn chuyên ngành, đồng thời đóng góp

Ký hiệu	Mục tiêu
	hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng.
MT2	Có kiến thức và trình độ chuyên môn Tiếng Anh vững vàng để phục vụ cho các công việc biên, phiên dịch, giảng dạy và các lĩnh vực liên quan.
MT3	Có kiến thức cơ bản về văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và phong tục của các nước nói Tiếng Anh để thích ứng với môi trường hội nhập.
2.	KỸ NĂNG
MT4	Có kỹ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp; giao tiếp, làm việc nhóm để làm việc trong môi trường làm việc liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia.
MT5	Sử dụng thành thạo các kỹ năng Ngôn ngữ Anh: Nghe, Nói, Đọc, Viết tương đương với trình độ bậc 5/6 và ngoại ngữ 2 tối thiểu bậc 2 theo Khung NLNN 6 bậc
MT6	Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và có khả năng ứng dụng trong giảng dạy và dịch thuật chuyên ngành ngôn ngữ Anh.
3.	THÁI ĐỘ
MT7	Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong nghề nghiệp; coi trọng việc ứng dụng sáng tạo các lý thuyết và kỹ năng, nghiệp vụ vào tình huống cụ thể.
MT8	Có kế hoạch không ngừng trau dồi và bồi dưỡng chuyên môn cho bản thân; sẵn sàng đảm nhận mọi công việc được giao.
MT9	Có ý thức coi trọng việc xây dựng môi trường làm việc lành mạnh để phát triển các quan hệ đồng nghiệp và đối tác qua ứng xử giao tiếp và chuẩn mực phát ngôn.

2.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh bậc đại học có khả năng làm việc trong các công ty, doanh nghiệp với các vị trí công việc như sau:

- Các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức xã hội

Vị trí đảm nhiệm: Giáo viên, Phiên dịch, Thư ký, trợ lý, cán bộ phụ trách nhân sự, truyền thông.

- Các cơ sở Du lịch, Lữ hành, Cơ quan quản lý Du lịch

Vị trí đảm nhiệm: Phiên dịch, hướng dẫn viên, thư ký, trợ lý, cán bộ phụ trách nhân sự, truyền thông, quan hệ công chúng.

- Các tổ chức của chính phủ, phi chính phủ và tổ chức quốc tế

Vị trí đảm nhiệm: Cán bộ chương trình, dự án, Phiên dịch, thư ký, trợ lý, cán bộ phụ trách nhân sự, truyền thông.

- Các công ty truyền thông

Vị trí đảm nhiệm: Phiên dịch, thư ký, trợ lý, cán bộ phụ trách nhân sự, truyền thông, biên dịch, phát thanh viên.

- Các công ty, doanh nghiệp

Vị trí đảm nhiệm: Thư ký, trợ lý, cán bộ phụ trách nhân sự, truyền thông, phiên dịch, cán bộ kinh doanh.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ngay khi hoàn thành CTĐT này, người học đạt được các đầu ra như sau:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của CTĐT
1.	KIẾN THỨC
CDR1	Vận dụng được các kiến thức về khoa học tự nhiên, văn hóa – xã hội vào học tập, nghiên cứu chuyên môn.
CDR2	Vận dụng được các kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế - xã hội và pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề trong chuyên môn và thực tiễn.
CDR3	Nắm vững kiến thức giáo dục An ninh – Quốc phòng và năng lực thể chất.
CDR4	Sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng và các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin phục vụ cho công việc thực tế.
CDR5	Tích lũy, nắm vững và vận dụng được hệ thống Ngữ pháp, Ngữ âm – Âm vị học, từ vựng, cú pháp, Ngữ nghĩa học và Ngữ dụng học của Tiếng Anh và Tiếng Việt vào phân tích, đối chiếu văn bản Tiếng Anh và Tiếng Việt.
CDR6	Tích lũy, nắm vững và vận dụng linh hoạt các chiến lược thực hành kỹ năng ngôn ngữ từ bậc 2 đến bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc Việt Nam.
CDR7	Sử dụng một ngoại ngữ thứ hai (Tiếng Trung Quốc/Tiếng Hàn Quốc) đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.
CDR8	Vận dụng thành thạo lý thuyết về ngôn ngữ Tiếng Anh, về văn hoá các nước nói Tiếng Anh, về giảng dạy ngoại ngữ và biên phiên dịch vào sử dụng Tiếng Anh trong giao tiếp xã hội, công sở và các công việc liên quan đến Tiếng Anh.
CDR9	Nắm vững và vận dụng linh hoạt lý thuyết về giảng dạy kỹ năng và ngữ liệu ngôn ngữ Tiếng Anh.
CDR10	Nắm vững lý thuyết về Biên – Phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh và có khả năng tổng hợp, xử lý thông tin để áp dụng trong việc chuyển tải các nội dung từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt và ngược lại.
2.	KỸ NĂNG
CDR11	Sử dụng thành thạo các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong quá trình giao tiếp bằng Tiếng Anh.
CDR12	Vận dụng được hiểu biết về chính trị, pháp luật, văn hoá, xã hội của Việt Nam và các nước nói Tiếng Anh để khẳng định và củng cố bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình tiếp xúc

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của CTĐT
CDR13	Có khả năng chuyên môn để đảm nhận được công việc trong các lĩnh vực nghề nghiệp như biên phiên dịch, du lịch, giảng dạy (nếu có chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm), truyền thông,...
CDR14	Có thể phân tích văn bản dựa trên các kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá.
CDR15	Có khả năng tự nghiên cứu, tự đào tạo để không ngừng cập nhật, nâng cao kiến thức; khả năng làm việc theo nhóm, nghiên cứu, sáng tạo trong công việc.
CDR16	Có khả năng làm việc độc lập, tổ chức và làm việc nhóm; khả năng phối hợp giải quyết công việc một cách linh hoạt, hiệu quả.

4. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Chuẩn đầu ra của CTĐT		Mục tiêu của Chương trình đào tạo								
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7	MT8	MT9
CDR1	Vận dụng được các kiến thức về khoa học tự nhiên, văn hóa – xã hội vào học tập, nghiên cứu chuyên môn.	x						X		
CDR2	Vận dụng được các kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế - xã hội và pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề trong chuyên môn và thực tiễn.	x								
CDR3	Nắm vững kiến thức giáo dục An ninh – Quốc phòng và năng lực thể chất.	x								
CDR4	Sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng và các kiến thức cơ bản về công nghệ						x			

Chuẩn đầu ra của CTĐT		Mục tiêu của Chương trình đào tạo								
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7	MT8	MT9
	thông tin phục vụ cho công việc thực tế.									
CDR5	Tích lũy, nắm vững và vận dụng được hệ thống Ngữ pháp, Ngữ âm – Âm vị học, từ vựng, cú pháp, Ngữ nghĩa học và Ngữ dụng học của Tiếng Anh và Tiếng Việt vào phân tích, đối chiếu văn bản Tiếng Anh và Tiếng Việt.		x					x		
CDR6	Tích lũy, nắm vững và vận dụng linh hoạt các chiến lược thực hành kỹ năng ngôn ngữ từ bậc 2 đến bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc Việt Nam.		x			x				
CDR7	Sử dụng một ngoại ngữ thứ hai (Tiếng Trung Quốc/Tiếng Hàn Quốc) đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.					x				

Chuẩn đầu ra của CTDT		Mục tiêu của Chương trình đào tạo								
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7	MT8	MT9
CDR8	Vận dụng thành thạo lý thuyết về ngôn ngữ Tiếng Anh, về văn hoá các nước nói Tiếng Anh, về giảng dạy ngoại ngữ và biên phiên dịch vào sử dụng Tiếng Anh trong giao tiếp xã hội, công sở và các công việc liên quan đến Tiếng Anh.		x	x	x					x
CDR9	Nắm vững và vận dụng linh hoạt lý thuyết về giảng dạy kỹ năng và ngữ liệu ngôn ngữ Tiếng Anh.		x							
CDR10	Nắm vững lý thuyết về Biên – Phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh và có khả năng tổng hợp, xử lý thông tin để áp dụng trong việc chuyển tải các nội dung từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt và ngược lại.		x		x			x		
CDR11	Vận dụng được các kiến thức về khoa học tự nhiên, văn hóa –	x		x				x	x	

Chuẩn đầu ra của CTĐT		Mục tiêu của Chương trình đào tạo								
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7	MT8	MT9
	xã hội vào học tập, nghiên cứu chuyên môn.									
CDR12	Vận dụng được hiểu biết về chính trị, pháp luật, văn hoá, xã hội của Việt Nam và các nước nói Tiếng Anh để khẳng định và củng cố bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình tiếp xúc	x		x	x					x
CDR13	Có khả năng chuyên môn để đảm nhận được công việc trong các lĩnh vực nghề nghiệp như biên phiên dịch, du lịch, giảng dạy (nếu có chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm), truyền thông....		x							
CDR14	Có thể phân tích văn bản dựa trên các kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá.			x	x					
CDR15	Có khả năng tự nghiên cứu, tự đào tạo để không ngừng cập nhật, nâng cao kiến thức; khả năng				x				x	x

Chuẩn đầu ra của CTĐT		Mục tiêu của Chương trình đào tạo								
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7	MT8	MT9
	làm việc theo nhóm, nghiên cứu, sáng tạo trong công việc.									
CĐR16	Có khả năng làm việc độc lập, tổ chức và làm việc nhóm; khả năng phối hợp giải quyết công việc một cách linh hoạt, hiệu quả.				x					x

5. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

a) Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

b) Phương thức tuyển sinh:

- Tổ hợp xét tuyển: D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), A01 (Toán, Vật Lý, Tiếng Anh), D14 (Ngữ Văn, Lịch Sử, Tiếng Anh), D10 (Toán, Địa Lý, Tiếng Anh)

- Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc xét tuyển kết quả Học bạ THPT theo quy định của Quy chế tuyển sinh hàng năm.

c) Điều kiện trúng tuyển và dự kiến quy mô tuyển sinh:

- Điều kiện trúng tuyển được xét từ cao xuống thấp dựa trên ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Cấu trúc chương trình đào tạo

a) Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: **129 tín chỉ** (chưa tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng) chia thành 8 học kỳ trong 4 năm

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương	31	18	13
2	Kiến thức cơ sở ngành	4	4	0
3	Kiến thức chung của ngành	65	55	10
4	Kiến thức chuyên ngành	20	17	03
5	Thực tập tốt nghiệp	3	3	0

6	Khóa luận/Thi tốt nghiệp	6	0	6
---	--------------------------	---	---	---

b) Khung chương trình đào tạo

TT	Học phần	Số TC			Ghi chú
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	31	24	7	
I.1	Lý luận chính trị	11	11	0	
7108001	Triết học Mác-Lênin	3	3	0	
7108002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	
7108003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
7108004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
7108005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
I.2	Khoa học xã hội và nhân văn	11	7	4	
<i>I.2.1</i>	<i>Kiến thức bắt buộc</i>	<i>7</i>	<i>5</i>	<i>2</i>	
7108006	Pháp luật đại cương	2	2	0	
7108007	Tin học đại cương	3	2	1	
7108008	Kỹ năng thuyết trình	2	1	1	
<i>I.2.2</i>	<i>Kiến thức tự chọn (SV chọn 02 trong 04 học phần dưới đây)</i>	<i>4</i>	<i>2</i>	<i>2</i>	
7108009	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	1	1	
7108010	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	
7108011	Tổ chức sự kiện	2	1	1	
7108012	Kỹ năng làm việc	2	1	1	
I.3	Ngoại ngữ 2 (chọn 1 trong 2 ngoại ngữ)	9	6	3	
<i>I.3.1</i>	<i>Tiếng Trung Quốc</i>	<i>9</i>	<i>6</i>	<i>3</i>	
7108013	Tiếng Trung 1	3	2	1	
7108014	Tiếng Trung 2	3	2	1	
7108015	Tiếng Trung 3	3	2	1	
<i>I.3.2</i>	<i>Tiếng Hàn Quốc</i>	<i>9</i>	<i>6</i>	<i>3</i>	
7108016	Tiếng Hàn 1	3	2	1	
7108017	Tiếng Hàn 2	3	2	1	
7108018	Tiếng Hàn 3	3	2	1	
I.4	Giáo dục thể chất	135 tiết			
7108019	Giáo dục thể chất 1				
7108020	Giáo dục thể chất 2				



L5	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	165 tiết			
II	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	89	60	29	
II.1	Kiến thức cơ sở ngành	4	3	1	
7108021	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	2	0	
7108022	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	1	
II.2	Kiến thức chung của ngành	65	43	22	
II.2.1	Kiến thức văn hoá	4	4	0	
7108023	Văn hoá Anh – Mỹ	2	2	0	
7108024	Giao tiếp liên văn hoá	2	2	0	
II.2.2	Kiến thức tiếng	61	39	22	
II.2.2.1	<i>Kiến thức bắt buộc</i>	<i>51</i>	<i>34</i>	<i>17</i>	
7108025	Kỹ năng Nghe 1	3	2	1	
7108026	Kỹ năng Nói 1	3	2	1	
7108027	Kỹ năng Đọc 1	3	2	1	
7108028	Kỹ năng Viết 1	3	2	1	
7108029	Kỹ năng Nghe 2	3	2	1	
7108030	Kỹ năng Nói 2	3	2	1	
7108031	Kỹ năng Đọc 2	3	2	1	
7108032	Kỹ năng Viết 2	3	2	1	
7108033	Kỹ năng Nghe 3	3	2	1	
7108034	Kỹ năng Nói 3	3	2	1	
7108035	Kỹ năng Đọc 3	3	2	1	
7108036	Kỹ năng Viết 3	3	2	1	
7108037	Thực hành Ngữ âm	3	2	1	
7108038	Ngữ pháp 1	3	2	1	
7108039	Ngữ pháp 2	3	2	1	
7108040	Từ vựng học	3	2	1	
7108041	Ngữ âm – Âm vị học	3	2	1	
II.2.2.2	<i>Kiến thức tự chọn (SV chọn 05 trong 07 học phần dưới đây)</i>	<i>10</i>	<i>5</i>	<i>5</i>	
7108042	Kỹ năng Nghe 4	2	1	1	
7108043	Kỹ năng Nói 4	2	1	1	
7108044	Kỹ năng Đọc 4	2	1	1	
7108045	Kỹ năng Viết 4	2	1	1	

7108046	Ngữ nghĩa học	2	1	1
7108047	Cú pháp học	2	1	1
7108048	Thực hành Ngữ âm nâng cao	2	1	1
II.3	Kiến thức chuyên ngành	20	14	6
<i>II.3.1</i>	<i>Kiến thức bắt buộc</i>	<i>17</i>	<i>12</i>	<i>5</i>
7108049	Lý thuyết Biên – Phiên dịch	2	2	0
7108050	Biên dịch 1	3	2	1
7108051	Biên dịch 2	3	2	1
7108052	Phiên dịch 1	3	2	1
7108053	Phiên dịch 2	3	2	1
7108054	Phương pháp & Kỹ năng giảng dạy Tiếng Anh	3	2	1
<i>II.3.2</i>	<i>Kiến thức tự chọn (SV chọn 01 trong 03 học phần dưới đây)</i>	<i>3</i>	<i>2</i>	<i>1</i>
7108055	Tiếng Anh chuyên ngành Thương mại	3	2	1
7108056	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	3	2	1
7108057	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	3	2	1
III	Thực tập tốt nghiệp & Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học thêm một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp)	9	6	3
7108058	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3
7108059	Khóa luận tốt nghiệp	6	6	0
	<i>Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp đăng ký học thêm 02 trong số 04 học phần sau:</i>	<i>6</i>	<i>4</i>	<i>2</i>
7108060	Thư tín Thương mại	3	2	1
7108061	Ngữ pháp nâng cao	3	2	1
7108062	Biên dịch nâng cao	3	2	1
7108063	Phiên dịch nâng cao	3	2	1

7. Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo:

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
1	Triết học Mác-Lênin	3 (3-0)	Học phần Triết học Mác-Lênin từng bước trang bị cho sinh viên thiết lập được thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo. Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm giải quyết những vấn đề đời sống xã hội đang đặt ra.
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2 (2-0)	Học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin được xây dựng theo chương trình LLCT mới của Bộ GD&ĐT năm 2019. Học phần gồm 6 chương: Trong đó Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác- Lênin. Chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế; Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa XHKH	2 (2-0)	Học phần nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên CNXH, chủ nghĩa cộng sản.
4	Lịch sử ĐCSVN	2 (2-0)	Học phần Lịch sử của Đảng Cộng Sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản sau: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử của ĐCSVN; Đảng Cộng

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			Sân Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945); Đảng Lãnh Đạo Hai Cuộc Kháng Chiến, Hoàn Thành giải phóng Dân tộc, Thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng Lãnh đạo của cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2019).
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2-0)	Đây là học phần thuộc kiến thức khoa học cơ bản nghiên cứu về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp những kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về những nội dung cơ bản, cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên nâng cao ý thức học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong học tập và cuộc sống.
6	Pháp luật đại cương	2 (2-0)	Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo sinh viên đại học. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng và các kiểu nhà nước, pháp luật.
7	Tin học đại cương	3 (2-1)	Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản, cần thiết về máy tính: Hệ điều hành Window, Internet, Word, Excel,... Ngoài ra, SV còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao
8	Kỹ năng thuyết trình	2 (1-1)	Học phần trang bị cho SV kiến thức ngôn ngữ và các kỹ năng cần thiết để phát triển và thực hiện một bài thuyết trình theo phong cách học thuật về một chủ đề bằng Tiếng Anh. Sinh viên nhận biết và vận dụng các từ vựng, cấu trúc ngôn ngữ đặc thù để thiết kế bài thuyết trình hiệu quả. Đồng thời sinh

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			viên có cơ hội tiếp cận, phân tích và vận dụng các thủ thuật phát triển ý, chiến thuật thu hút khán giả và các kỹ năng cần thiết khác để có thể tự tin thuyết trình bằng Tiếng Anh. Ngoài ra, các hoạt động trong học phần cũng tạo điều kiện cho sinh viên phát triển các kỹ năng mềm khác và sự tự tin khi trình bày bằng Tiếng Anh trước đám đông.
9	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2 (1-1)	Học phần Kỹ năng soạn thảo văn bản là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, thiết thực về hệ thống văn bản, quản lý văn bản, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, quy trình soạn thảo và ban hành các loại văn bản hành chính trong công tác văn phòng. Sau khi học xong, sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để thực hiện soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng.
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 (1-1)	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản như khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học
11	Tổ chức sự kiện	2 (1-1)	Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về tổ chức sự kiện: định nghĩa sự kiện, phân loại sự kiện, cách lập kế hoạch tổ chức sự kiện, quy trình tổ chức sự kiện, tìm hiểu một số sự kiện thực tế nổi bật, công nghệ ứng dụng trong sự kiện, cách xử lý tình huống.... Thực hành lập kế hoạch và tổ

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			chức một số sự kiện quy mô nhỏ.
12	Kỹ năng làm việc	2 (1-1)	Kỹ năng phỏng vấn và xin việc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kế toán và tài chính ngân hàng. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức của kỹ năng phỏng vấn và tìm việc hiệu quả cũng như các kỹ năng trong môi trường làm việc văn phòng công sở; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng làm việc nhóm.
13	Tiếng Trung 1	3 (2-1)	Học phần Tiếng Trung 1 giúp sinh viên làm quen với hệ thống chữ viết, các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) thông qua các chủ đề, tình huống giao tiếp trình độ sơ cấp.
14	Tiếng Trung 2	3 (2-1)	Học phần Tiếng Trung 2 cung cấp các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và xã hội Trung Quốc; rèn luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm giúp SV đàm thoại được những chủ đề đơn giản ở trình độ sơ cấp, hỗ trợ sinh viên phát huy việc tự học và nâng cao ý thức trong học tập, đồng thời làm nền tảng cho sinh viên học tiếng Trung ở cấp độ cao hơn.
15	Tiếng Trung 3	3 (2-1)	Học phần tiếng Trung 3 tiếp tục rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ bao gồm nghe, nói, đọc, viết được tích hợp trong các bài giảng theo giáo trình với nhiều tình huống, chủ đề khác nhau và các bài tập vận dụng nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức và sử dụng thành thạo ngôn ngữ.
16	Tiếng Hàn 1	3 (2-1)	Học phần Tiếng Hàn 1 giúp sinh viên làm quen với hệ thống chữ viết, bảng chữ cái và các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp) và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) thông qua các chủ đề, tình

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			huống giao tiếp đơn giản.
17	Tiếng Hàn 2	3 (2-1)	Học phần Tiếng Hàn 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và văn hoá, con người Hàn Quốc thông qua các chủ đề và bài học, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết phục vụ giao tiếp.
18	Tiếng Hàn 3	3 (2-1)	Học phần Tiếng Hàn 3 tiếp tục rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ bao gồm nghe, nói, đọc, viết được tích hợp trong các bài giảng và tình huống ở cấp độ cao hơn, từ đó giúp sinh viên nắm vững kiến thức và sử dụng thành thạo ngôn ngữ.
19	GDTC1		
20	GDTC2		
21	GD Quốc phòng – An ninh		
22	Dẫn luận ngôn ngữ học	2 (2-0)	Học phần giúp sinh viên nắm được nội dung chính của các ngành cốt yếu trong ngôn ngữ học nhằm giúp cho sinh viên có cái nhìn sâu hơn về ngôn ngữ và có thể ứng dụng trong việc sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả.
23	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2 (1- 1)	Sinh viên hiểu và phân biệt được các khái niệm cơ bản về văn hóa. Phân tích được mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên – xã hội Việt Nam. Hiểu được quá trình phát triển của văn hóa và cấu trúc văn hóa các vùng miền Việt Nam. Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức được học trong các học phần liên quan đến lĩnh vực văn hóa và du lịch.
24	Văn hóa Anh – Mỹ	2 (2-0)	Học phần Văn hóa Anh – Mỹ giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản và khái quát về nền văn minh, văn hóa Anh và văn hóa Mỹ, bao gồm các lĩnh vực như con người, văn hóa, xã hội, lịch sử, kinh tế, giáo

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			người, văn hóa, xã hội, lịch sử, kinh tế, giáo dục.... Học phần cũng nhằm nâng cao vốn từ vựng và giúp sinh viên có cơ hội luyện tập, thực hành các kỹ năng ngôn ngữ.
25	Giao tiếp liên văn hoá	2 (2-0)	Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức về cách tiếp cận với những nền văn hóa xa lạ, giúp người học thay đổi quan niệm về bối cảnh giao tiếp trong giai đoạn hiện nay và từ đó tiến hành giao tiếp có hiệu quả hơn trong công việc. Cách tiếp cận này kết hợp thế mạnh của 2 lĩnh vực: Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication), đặt nền tảng trên các lý thuyết về tâm lý học và các lĩnh vực liên quan và kinh doanh quốc tế (International Business). Nhận ra tầm quan trọng của yếu tố văn hóa được thể hiện trong giao tiếp liên văn hóa ở môi trường kinh doanh đa văn hóa ngày hôm nay.
26	Kỹ năng Nghe 1	3 (2-1)	Học phần Kỹ năng Nghe 1 rèn luyện kỹ năng nghe trình độ 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.
27	Kỹ năng Nghe 2	3 (2-1)	Học phần Kỹ năng Nghe 2 rèn luyện kỹ năng nghe tương đương trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu. Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ và các kỹ năng nghe Tiếng Anh như nghe lấy ý chính, nghe thông tin chi tiết, nghe suy luận liên quan đến các tình huống giao tiếp hàng ngày như con người, nghề nghiệp, thể thao....
28	Kỹ năng Nghe 3	3 (2-1)	Học phần Kỹ năng Nghe 3 rèn luyện kỹ năng Nghe tương đương trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu. Nội dung học phần gồm các bài nghe liên quan tới các chủ đề về giáo dục, công nghệ, ngôn ngữ giao tiếp, khí hậu...., đồng thời rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và ghi chú.
29	Kỹ năng Nghe 4	2	Học phần Kỹ năng Nghe 4 rèn luyện kỹ

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
		(1-1)	năng nghe hiểu chuyên sâu, suy luận logic và mang tính học thuật cao hơn, dạng bài khó hơn có lộ trình kiến thức cụ thể, rõ ràng theo từng chủ đề như toàn cầu hoá, y tế, giáo dục, sản xuất, nghệ thuật.....
30	Kỹ năng Nói 1	3 (2-1)	Học phần Kỹ năng Nói 1 rèn luyện kỹ năng nói tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu. Học phần gồm các bài học về các chủ đề gắn liền với cuộc sống, các chủ đề giao tiếp quen thuộc như miêu tả món ăn yêu thích, đưa ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý, đưa ra sự dự đoán hay so sánh, diễn đạt sở thích, tranh luận ưu nhược điểm, hay giải thích sự lựa chọn và các trò chơi ngôn ngữ.
31	Kỹ năng Nói 2	3 (2-1)	Học phần Kỹ năng Nói 2 giúp người học phát triển các kỹ năng như: có thể giao tiếp một cách hiệu quả trong hầu hết các tình huống hàng ngày và trong các tình huống công việc quen thuộc; sử dụng các từ ngữ, thành ngữ và cấu trúc khá phức tạp. cùng các tình huống giao tiếp.
32	Kỹ năng Nói 3	3 (2-1)	Học phần Kỹ năng Nói 3 bao gồm 10 bài rèn luyện kỹ năng nói trình độ B1-B2 theo khung tham chiếu Châu Âu. Nội dung bao gồm các bài rèn luyện kỹ năng nói về các chủ đề như kỹ thuật, kinh doanh, công nghệ, văn học, khí tượng, dinh dưỡng, địa chất, xã hội, báo chí, y học... giúp sinh viên giao tiếp hiệu quả trong các ngữ cảnh học thuật, đồng thời thu được các từ vựng học thuật. Các bài học bao gồm nhiều ngữ cảnh học thuật khác nhau như bối cảnh lớp học, bài giảng, bài thuyết trình, thảo luận nhóm... Điều này giúp sinh viên tiếp xúc với ngôn ngữ đặc trưng của học thuật - bao gồm từ vựng, cách phát âm và các kỹ năng nói

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			chuẩn bị cho các cuộc thảo luận học thuật trong tương lai. Cách tiếp cận đa phương diện kỹ năng nói đảm bảo sinh viên có thể giao tiếp thành công trong các ngữ cảnh học thuật.
33	Kỹ năng Nói 4	2 (1-1)	Học phần Kỹ năng Nói 4 giúp sinh viên có thể làm thành thạo các bài thuyết trình trước đám đông; có khả năng tư duy phản biện về một chủ đề nào đó; được tăng cường các kỹ năng nói thông qua hoạt động hợp tác giữa các sinh viên với nhau, nhằm giúp sinh viên có khả năng thành thạo với các tình huống giao tiếp văn hóa, xã hội, thương mại thực tế, đồng thời tăng cường vốn từ vựng thương mại, văn hóa và xã hội. Học phần này giúp sinh viên có khả năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống thường ngày và công việc. Các bài học được sắp xếp theo chủ đề đa dạng với mức độ ngôn ngữ và kỹ năng được xây dựng nâng cao, phức tạp và được thiết kế dựa trên các hoạt động luyện tập trên lớp và lấy người học làm trung tâm.
34	Kỹ năng Đọc 1	3 (2-1)	Học phần Kỹ năng Đọc 1 gồm các bài đọc thuộc nhiều chủ đề khác nhau rèn luyện kỹ năng đọc tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu. Lượng từ vựng gắn với chủ đề bài học cũng như kiến thức ngữ pháp phù hợp với trình độ A2.
35	Kỹ năng Đọc 2	3 (2-1)	Học phần Kỹ năng Đọc 2 rèn luyện kỹ năng đọc và viết trình độ A2-B1 theo khung tham chiếu Châu Âu. Nội dung bao gồm các bài đọc về các chủ đề gắn với cuộc sống hàng ngày như con người, nghề nghiệp, thể thao, lễ hội... và các chủ đề tương tự ở trình độ B1. Các kỹ năng đọc sinh viên được rèn luyện ở học phần này bao gồm đọc hiểu chi tiết, đọc lấy số liệu, đọc hiểu ý chính...

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
36	Kỹ năng Đọc 3	3 (2-1)	Học phần Kỹ năng Đọc 3 bao gồm 10 bài dùng để rèn luyện chuyên sâu kỹ năng đọc trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu. Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) và kỹ năng đọc về các chủ đề về kinh tế, lịch sử, môi trường, sức khỏe và đời sống văn hoá xã hội.....
37	Kỹ năng Đọc 4	2 (1-1)	Trên cơ sở sinh viên đã được củng cố kiến thức cơ bản ở học phần Kỹ năng Đọc 3, sinh viên tiếp tục được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu các bài đọc dài hơn (khoảng 700 từ trở lên). Nắm được ý chính của đoạn văn và của toàn bài, nắm được ý cụ thể của bài và đoán nghĩa của từ và các cụm từ thông qua các đầu mối ngữ cảnh mà không cần sử dụng từ điển. Suy diễn, nắm bắt các hàm ý từ các thông tin cụ thể trong bài khóa, đồng thời thảo luận về các chủ đề liên quan. Học phần này sinh viên tiếp tục được cung cấp thêm một lượng từ vựng và các kiến thức liên quan các chủ đề văn hóa, xã hội và kinh tế,...
38	Kỹ năng Viết 1	3 (2-1)	Học phần Kỹ năng Viết 1 bao gồm 10 bài dùng để rèn luyện kỹ năng viết trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu. Nội dung bao gồm các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) và kỹ năng viết các cấu trúc câu và đoạn văn ngắn đơn giản khác nhau.
39	Kỹ năng Viết 2	3 (2-1)	Học phần Kỹ năng Viết 2 giúp sinh viên luyện tập và phát triển các bước viết một bài luận (essay), tập trung vào một số dạng bài luận, có khả năng dùng các câu có cấu trúc chặt chẽ, rõ ý về những đề tài phức tạp, sử dụng linh hoạt các thành phần câu, từ nối câu và các cụm từ chức năng. phù hợp với cấp độ từ bài 1 đến bài 10 của giáo trình ở trình độ B1.
40	Kỹ năng Viết 3	3	Học phần Kỹ năng Viết 3 được thiết kế với

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
		(2-1)	10 đơn vị bài học với 10 chủ đề khác nhau như kinh tế, sức khỏe, giao thông, môi trường, kinh tế xã hội....., với mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp viết bài luận ngắn (khoảng 300 từ) với các thể loại như viết miêu tả, viết so sánh, viết nêu quan điểm, nêu nguyên nhân – kết quả, viết phân loại.
41	Kỹ năng Viết 4	2 (1-1)	Học phần Kỹ năng Viết 4 được thiết kế nhằm giúp sinh viên đạt trình độ viết bậc 5 (C1). Chương trình củng cố, cung cấp kiến thức nâng cao về cách viết hoàn chỉnh một bài luận theo dạng thức CAE và mở rộng theo dạng thức IELTS: thực hành viết một bài báo cáo khoảng 150 từ miêu tả thông tin dạng bảng biểu, sơ đồ, tranh ảnh, thực hành viết một bài luận gồm 5 đoạn văn thuộc các chủ đề xã hội thông thường, thuộc nhiều thể loại viết luận khác nhau như nguyên nhân/kết quả, tranh luận, hay phân loại.
42	Thực hành Ngữ âm	3 (2-1)	Học phần Thực hành ngữ âm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm Tiếng Anh, bao gồm âm, trọng âm và ngữ điệu, đồng thời ứng dụng những kiến thức này vào việc thực hành phát âm, từ đơn vị nhỏ nhất là âm tới âm tiết, từ, câu và hội thoại trong Tiếng Anh thông qua các bài học và bài tập thực tế đơn giản, dễ hiểu, không mang tính lý thuyết cao.
43	Ngữ pháp 1	3 (2-1)	Học phần bao gồm các điểm ngữ pháp căn bản cần thiết cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh. Những bài học trong giáo trình được sắp xếp theo chủ điểm, gồm cả lý thuyết và bài tập thực hành giúp sinh viên nắm bắt nội dung bài học một cách hoàn thiện.
44	Ngữ pháp 2	3	Trên cơ sở sinh viên đã được củng cố kiến

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
		(2-1)	thức cơ bản ở học phần Ngữ pháp 1, học phần Ngữ pháp 2 tiếp tục phát triển các đặc điểm ngữ pháp đó ở mức độ cao hơn, giúp sinh viên có thể sử dụng linh hoạt hơn vào các bài thực hành ngữ pháp và bài viết.
45	Từ vựng học	3 (2-1)	Học phần này giúp sinh viên hiểu biết về mối quan hệ giữa từ vựng với các chuyên ngành Ngôn ngữ học khác như Âm vị học, Ngữ pháp. Ngoài ra, sinh viên cũng nắm bắt được một số đặc điểm cơ bản của từ vựng tiếng Anh, cấu trúc và cách thành lập từ và qua đó hiểu biết thêm về những yếu tố văn phong trong từ vựng tiếng Anh. Học phần cung cấp lượng từ vựng thuộc nhiều chủ đề khác nhau cho sinh viên.
46	Ngữ âm – Âm vị học	2 (1-1)	Học phần cung cấp cho người học: khái niệm cơ bản về ngữ âm và âm vị học; những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả âm thanh lời nói và hệ thống ký hiệu phiên âm Tiếng Anh, những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm Tiếng Anh; các quy luật biến đổi của âm vị Tiếng Anh; những hiểu biết cơ bản về các yếu tố siêu đoạn tính.
47	Ngữ nghĩa học	2 (1-1)	Học phần Ngữ nghĩa học giúp SV được hệ thống hóa kiến thức về các cấp độ ngữ nghĩa tiếng Anh (từ, cụm từ, thành ngữ, câu, đoạn văn), tìm hiểu về các khái niệm căn bản về ngữ nghĩa (semantic triangle, semantic properties, referring expressions, referent, sense, ...) và hình thái tu từ (figures of speech).
48	Cú pháp học	2 (1-1)	Học phần Cú pháp học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại cụm từ, cấu trúc của cụm từ mệnh đề, và câu, v.v... qua đó giúp sinh viên hệ thống hoá kiến thức về các cấp độ cấu trúc Tiếng Anh.
49	Thực hành ngữ âm NC	2	Học phần Thực hành ngữ âm giúp sinh viên

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			Anh. Học phần này giới thiệu cho sinh viên về trọng âm và ngữ điệu trong Tiếng Anh, thông qua các bài học và bài tập thực tế, đơn giản, dễ hiểu, không mang tính lý thuyết cao.
50	Lý thuyết Biên – Phiên dịch	2 (2-0)	Học phần Lý thuyết Biên – Phiên dịch cung cấp cho sinh viên kiến thức khái quát về Biên và Phiên dịch thuật: các quan điểm, phương pháp và kỹ thuật dịch Anh – Việt và Việt – Anh từ các mẫu câu đơn giản đến phức tạp. Các bài dịch được lựa chọn ở trình độ tiếng Anh sơ cấp và trung cấp theo các đề tài thông dụng liên quan đến văn hóa, du lịch, giáo dục, xã hội.
51	Biên dịch 1	3 (2-1)	Học phần giới thiệu, cung cấp cho sinh viên ngữ pháp căn bản cần thiết cho việc dịch và một số cấu trúc thường dùng để dịch văn bản từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại. Đồng thời học phần cũng cung cấp cho sinh viên được làm quen với kỹ năng biên dịch trên cơ sở dịch câu cũng như được trang bị và tự trang bị số từ vựng cần thiết trong quá trình dịch.
52	Biên dịch 2	3 (2-1)	Học phần này giúp cho sinh viên ôn tập các điểm ngữ pháp, các loại cụm từ, các mệnh đề, các dạng câu, thành ngữ thông dụng và sử dụng các ngữ liệu này phục vụ cho hoạt động dịch thuật. Đồng thời học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng cơ bản để dịch câu và các bài khóa, biết vận dụng kiến thức ngữ pháp, cấu trúc câu, từ vựng và tập quán ngữ trong dịch thuật.
53	Phiên dịch 1	3 (2-1)	Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản cũng như các loại hình phiên dịch Anh – Việt và Việt – Anh. Phần trọng tâm của học phần tập trung ở cách sử dụng từ, cụm từ và mẫu câu để dịch câu đơn, câu kép và câu phức, chuẩn bị

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			cho phần phiên dịch bài đàm thoại ngắn.
54	Phiên dịch 2	3 (2-1)	Học phần này sinh viên được trang bị các kiến thức để hiểu rõ quy trình các yếu tố cần thiết để dịch hiệu quả để thực hiện dịch song song với các chủ đề quen thuộc. Thông qua học phần, sinh viên tự trang bị thêm kiến thức về từ vựng và các cấu trúc câu, hiểu biết thêm kiến thức về kinh tế, xã hội ở Việt Nam và một số nước khác.
55	Phương pháp & Kỹ năng giảng dạy Tiếng Anh	3 (2-1)	Học phần Phương pháp & Kỹ năng giảng dạy Tiếng Anh giúp sinh viên được làm quen với lý thuyết giảng dạy ngoại ngữ, nắm vững các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình học và dạy ngoại ngữ, các nguyên tắc giảng dạy ngoại ngữ, thực hành giảng dạy ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng, thực hành giảng dạy các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết. Hiểu được yêu cầu và mục đích sử dụng đồ dùng phương tiện giảng dạy ngoại ngữ.
56	Tiếng Anh chuyên ngành Thương mại	3 (2-1)	Học phần trang bị cho sinh viên: - Kiến thức ngôn ngữ và thuật ngữ Tiếng Anh thương mại ở cấp độ B2 (trình độ trung cấp và trên trung cấp), giúp cho sinh viên có thể tự tin trong môi trường thương mại và kinh doanh quốc tế. - Kiến thức ngôn ngữ Tiếng Anh cơ bản về kinh tế, tài chính, tạo tiền đề cho sinh viên học tiếng Anh chuyên ngành và các môn nghiệp vụ ở các học kỳ tiếp theo tốt hơn. - Cơ hội nâng cao cả bốn kỹ năng đọc, nói và viết trong các tình huống thực tế tại nơi làm việc, trong kinh doanh và kinh doanh quốc tế.
57	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	3 (2-1)	Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nghề nghiệp trong ngành du lịch,

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			bản về nghề nghiệp trong ngành du lịch, khách sạn và các vấn đề liên quan như: dịch vụ lễ hành và khách sạn, đại lý du lịch, tiếp xúc khách hàng, đăng ký giữ chỗ, tham quan, v.v...
58	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	3 (2-1)	Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Logistics giới thiệu các loại hình chính của Logistics đồng thời cung cấp cho sinh viên hệ thống từ vựng thông dụng và các thuật ngữ chuyên dụng trong lĩnh vực Logistics.
59	Thư tín thương mại	3 (2-1)	Học phần Thư tín thương mại cung cấp cho sinh viên các từ vựng, câu và thực hành kỹ năng soạn thảo các loại thư tín đúng quy cách, nội dung và bút pháp tốt như: - Thư, fax, email công việc - Thư yêu cầu trong giao dịch thương mại và trả lời khiếu nại - Đơn đặt hàng trong giao dịch thương mại.. - Thư phản nàn và yêu cầu chỉnh sửa - Xác định/hủy cuộc hẹn...
60	Ngữ pháp nâng cao	3 (2-1)	Trên cơ sở sinh viên đã được củng cố kiến thức cơ bản ở học phần Ngữ pháp 1&2, học phần này tiếp tục phát triển các chủ điểm ngữ pháp đó ở mức độ cao và phức tạp hơn nữa, giúp sinh viên có thể sử dụng linh hoạt hơn vào các bài thực hành ngữ pháp và bài viết.
61	Biên dịch nâng cao	3 (2-1)	Học phần này sinh viên được trang bị các kiến thức nâng cao, giúp sinh viên có thêm các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, nâng cao khả năng tư duy, tổng hợp kiến thức xã hội nói chung và kiến thức Tiếng Anh về đa dạng chủ đề khác nhau trong cuộc sống.
62	Phiên dịch nâng cao	3 (2-1)	Học phần này sinh viên được trang bị các kiến thức nâng cao, có thể dịch song song với các chủ đề nâng cao và hoàn toàn mới.

TT	Học phần	Số TC (LT-TH)	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
			<p>Thông qua học phần, sinh viên tự trang bị thêm kiến thức về từ vựng và các cấu trúc câu, hiểu biết thêm kiến thức về kinh tế, xã hội ở Việt Nam và nhiều quốc gia trên toàn Thế giới. Đồng thời, cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ chuyên ngành trong các lĩnh vực khác nhau và giúp sinh viên có cơ hội luyện thêm kỹ năng nghe nói, phiên dịch. Ngoài ra, sinh viên được học trong phần kiến thức bổ sung. Môn học gồm các bài luyện dịch với các tình huống giao tiếp thường gặp trong cuộc sống liên quan thương mại và khoa học kỹ thuật.</p>
63	Thực tập tốt nghiệp	3 (0-3)	<p>Học phần Thực tập tốt nghiệp dành cho sinh viên năm cuối chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Trong học phần này, sinh viên ôn lại các kiến thức đã học và vận dụng các kiến thức đó vào việc thực tập các lĩnh vực công việc chuyên môn thực tế tại các cơ quan, doanh nghiệp và cơ sở thực tập.</p>
64	Khóa luận tốt nghiệp	6 (6-0)	<p>Khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Thực hiện KLTN giúp sinh viên thể hiện khả năng vận dụng lý thuyết vào phân tích sâu, rộng một vấn đề có tính lý luận và có ý nghĩa thực tiễn trong chuyên ngành đào tạo, sinh viên vận dụng hệ thống kiến thức đã được trang bị trong chương trình đào tạo để giải quyết một vấn đề khoa học cụ thể, trong đó sinh viên đưa ra một hoặc một số hệ thống luận điểm của mình, và có phương pháp tìm kiếm các luận cứ để chứng minh luận điểm đó. Ngoài ra, việc viết KLTN còn giúp sinh viên hoàn thiện phương pháp luận, phương pháp tiếp cận, phương pháp phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề một cách khoa học.</p>

8. Kế hoạch đào tạo chi tiết

Năm thứ nhất:

TT	Học phần	Số TC	TT	Học phần	Số TC
	HỌC KỲ 1			HỌC KỲ 2	
		19			19
1	Triết học Mác - Lênin	03	1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	02
2	Dẫn luận ngôn ngữ học	02	2	Pháp luật đại cương	02
3	Kỹ năng Nghe 1	03	3	Kỹ năng Nghe 2	03
4	Kỹ năng Nói 1	03	4	Kỹ năng Nói 2	03
5	Kỹ năng Đọc 1	03	5	Kỹ năng Đọc 2	03
6	Kỹ năng Viết 1	03	6	Kỹ năng Viết 2	03
7	GDTC1	02	7	Từ vựng học	03

Năm thứ hai:

TT	Học phần	Số TC	TT	Học phần	Số TC
	HỌC KỲ 1			HỌC KỲ 2	
		19			16
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	02	1	Lịch sử ĐCSVN	02
2	Cơ sở văn hoá Việt Nam	02	2	Tin học đại cương	03
3	Kỹ năng Nghe 3	03	3	Kỹ năng Nghe 4	02
4	Kỹ năng Nói 3	03	4	Kỹ năng Nói 4	02
5	Kỹ năng Đọc 3	03	5	Kỹ năng Đọc 4	02
6	Kỹ năng Viết 3	03	6	Kỹ năng Viết 4	02
7	Thực hành Ngữ âm	03	7	Ngữ pháp 1	03

Năm thứ 3:

TT	Học phần	Số TC	TT	Học phần	Số TC
	HỌC KỲ 1			HỌC KỲ 2	
		16			18
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	02	1	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	03
2	Lý thuyết Biên – Phiên dịch	02	2	Văn hoá Anh – Mỹ	02
3	Ngữ âm – Âm vị học	02	3	Tiếng Anh biên dịch 1	03
4	Ngữ pháp 2	03	4	Tiếng Anh phiên dịch 1	03
5	Cú pháp học	02	5	Kỹ năng thuyết trình	02
6	Tiếng Trung Quốc 1/ Tiếng Hàn Quốc 1	03	6	Tiếng Trung Quốc 2/ Tiếng Hàn Quốc 2	03
7	GDTC2	02	7	Kỹ năng soạn thảo VB	02
8	GDQP & An ninh				

Năm thứ 4:

TT	Học phần	Số TC	TT	Học phần	Số TC
	HỌC KỲ 1			HỌC KỲ 2	
1	Tiếng Anh biên dịch 2	03	1	Thực tập tốt nghiệp	03
2	Tiếng Anh phiên dịch 2	03	2	Khoá luận tốt nghiệp	06
3	Tiếng Trung Quốc 3/ Tiếng Hàn Quốc 3	03			
4	PP & KN giảng dạy TA	03			
5	Kỹ năng làm việc	02			
6	Giao tiếp LVH	02			

9. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**+ Phương thức đào tạo**

Quy trình đào tạo được tổ chức theo quy chế đào tạo học chế tín chỉ của Trường Đại học Kinh Bắc

+ Điều kiện làm khóa luận

Để đảm bảo chất lượng của khóa luận tốt nghiệp tương xứng với năng lực của đội ngũ giảng viên và khả năng của sinh viên, chương trình đào tạo đưa ra các điều kiện để chọn lọc các sinh viên đủ các điều kiện để làm và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp. Các điều kiện để sinh viên được thực hiện làm khóa luận theo quy định của Trường Đại học Kinh Bắc.

+ Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp tuân thủ quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ của trường Đại học Kinh Bắc. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Tổng lượng kiến thức tối thiểu là 129 tín chỉ bao gồm cả thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (không bao gồm học phần Quốc phòng – An ninh và giáo dục thể chất)

10. Kiểm tra, đánh giá & thang điểm**10.1. Kiểm tra đánh giá****- Quy trình và phương pháp đánh giá:**

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần/ module, và chuẩn đầu ra môn học phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng.

Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống, vấn đáp... Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy định của Trường Đại học Kinh Bắc.

- *Điểm đánh giá đối với học phần bao gồm:* điểm kiểm tra thường xuyên (hoặc tiểu luận), điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm dành cho các hoạt động ngoài trời hoặc đi thực tế, điểm đánh giá bài tập lớn, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần và điểm thi kết thúc học phần. Trong đó, điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định như sau:

Chuyên cần: 10%

Kiểm tra thường xuyên: 15%

Kiểm tra giữa học phần: 15%

Thi kết thúc học phần: 60%

10.2. Thang điểm

Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng cho điểm thành phần (điểm tiện ích) của học phần.

Đánh giá	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm	
		Điểm chữ	Điểm số
Điểm đạt (<i>Riêng môn Thực tập tốt nghiệp và Khoá luận tốt nghiệp điểm tổng kết học phần từ C trở lên mới được coi là Đạt</i>)	Từ 8,5 đến 10	A	4.0
	Từ 7 đến (< 8.5)	B	3.0
	Từ 5.5 đến (<7)	C	2.0
	Từ 5 đến (<5.5)	D	1.0
Không đạt	Dưới 4,0	F	0

11. Phương pháp giảng dạy, học tập và nâng cao chất lượng

Phương pháp giảng dạy và học tập tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra cho sinh viên, thiết kế chuẩn đầu ra học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy; đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá, tài liệu dạy học. Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

Các phương pháp dạy học:

- Phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm
 - Hình thức giảng dạy; giảng dạy trực tiếp, trực tuyến.
 - Phương pháp giảng dạy: thuyết trình, thảo luận nhóm, case study, role-play..
- ...phù hợp với giảng lý thuyết/thực hành, giúp sinh viên dần tiếp cận với việc áp dụng kiến thức vào giải quyết tình huống cụ thể.

Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học:

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm 1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan nhằm đạt được chuẩn đầu ra của môn học, chương trình đào tạo.

- Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một người bác sĩ.

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của của GV, về chương trình đào tạo.

- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Khoa và các Tổ bộ môn thực hiện lập Đề cương chi tiết học phần, trình duyệt và cung cấp cho sinh viên, giảng viên trước khi giảng dạy và học tập.

12.2. Căn cứ kế hoạch giảng dạy trong Chương trình, các Phòng, Khoa, đơn vị trực thuộc Trường triển khai thực hiện nhiệm vụ đào tạo.

KHOA NGÔN NGỮ
P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang



TS. Nguyễn Văn Hòa